

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 81/2023/DSPT;

Ngày: 27-02-2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em

Ông Võ Ngọc Giàu

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 450/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXX-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp H xã H, C, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: 19/8A L, phường S, TP M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972;

2. Nguyễn Văn L sinh năm 1975;

Người đại diện ủy quyền của ông L: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp H xã H, C, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Nguyễn Trung T, sinh năm 1966;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Trung C sinh năm 1956 (chết)

Địa chỉ: ấp H xã H, C, Tiền Giang

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ:

1.1 Nguyễn Thị P, sinh năm 1958;

1.2. Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1991;

1.3 Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1997;

Địa chỉ: ấp P xã P, TP M, Tiền Giang

2. Nguyễn Văn H

Địa chỉ: ấp H xã H, C, Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp H xã H, C, Tiền Giang.

3. Nguyễn Phong L;

4. Nguyễn Trung T, sinh năm 1966;

5. Nguyễn Thị P, sinh năm 1960 (xin vắng mặt);

6. Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 (xin vắng mặt);

7. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp H xã H, C, Tiền Giang.

8. Nguyễn Thị L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp H xã H, C, Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: 19/8A L, phường S, TP M, tỉnh Tiền Giang

9. Nguyễn Thị T, sinh năm 1994 (xin vắng mặt);

10. Nguyễn Văn D, sinh năm 1998 (xin vắng mặt);

11. Nguyễn Văn C, sinh năm 2001 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H xã H, C, Tiền Giang.

Người kháng cáo: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo án sơ thẩm;*

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:*
Nguyên đơn Nguyễn Văn T có một thửa đất số 177 tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang có diện tích 920m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CH00276 ngày 09/11/2012 do Ủy ban nhân dân

huyện C cấp ngày 09/11/2012 cho hộ anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L đứng tên. Nguồn gốc phần đất là mẹ của anh T cho anh T. Quá trình sử dụng anh T phát hiện phía bị đơn anh Q anh L lấn chiếm phần đất của anh, làm hàng rào đóng cột bê tông rào lại diện tích đất không cho anh T sử dụng. Nay anh yêu cầu anh Q anh L và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị N phải di dời tháo dỡ hàng rào, cây trồng trả lại anh T phần đất tranh chấp diện tích 38,1m² theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của công ty Đông Hải ngày 10/11/2020.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn L thống nhất trình bày:* Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T lý do phần đất đang tranh chấp với nguyên đơn là của mẹ anh là bà Nguyễn Thị N đứng tên, sau khi mẹ anh mất thì đến nay phần đất vẫn chưa di sản thừa kế cho các con, hiện tại anh Q anh L ở trên đất và tạm quản lý đất, anh xác định gia đình anh sử dụng đúng diện tích đất của mẹ là bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không lấn chiếm đất của nguyên đơn Nguyễn Văn T, khi bà N còn sống thì không có ký giáp ranh đất cho anh Nguyễn Văn T làm giấy chủ quyền đất.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung T trình bày:* Anh Nguyễn Trung T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T lý do phần đất đang tranh chấp với nguyên đơn là của mẹ anh là bà Nguyễn Thị N đứng tên, sau khi mẹ anh mất thì đến nay phần đất vẫn chưa chia di sản thừa kế cho các con, hiện tại anh Q anh L ở trên đất và tạm quản lý đất, anh T xác định gia đình sử dụng đúng diện tích đất của mẹ là bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không lấn chiếm đất của nguyên đơn Nguyễn Văn T, khi bà N còn sống thì không có ký giáp ranh đất cho anh Nguyễn Văn T làm giấy chủ quyền đất và có giấy xác nhận của các người dân địa phương phần đất tranh chấp là của mẹ anh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Phong L, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị P, chị N trình bày:* Thống nhất ý kiến trình bày của anh Q, anh L, anh Trung T, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 450/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang: Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 175, 176 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 46, 49, 50, 52 Luật đất đai năm 2003; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T

Buộc bị đơn Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H, Nguyễn Phong L, Nguyễn Trung T, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thị Kim O di dời hàng

rào, cây trồng trên đất trả lại nguyên đơn Nguyễn Văn T phần đất diện tích 38,1 m² (Kí hiệu T-2) có tứ cận: Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị N, Nam giáp Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L, Đông giáp Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L, Tây giáp đường bê tông (phiếu xác nhận hiện trạng đo đạc thửa đất kèm theo). Nguyên đơn anh T hoàn lại cho Anh Q anh L, anh H, anh L, anh T, chị P, chị T, chị Đ, chị P, chị N, chị O tiền di dời hàng rào và giá trị cây trồng trên đất là 2.655.500 đồng. Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 12 tháng 10 năm 2022, bị đơn anh Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn L và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị N phải di dời tháo dỡ hàng rào, cây trồng trả lại anh T phần đất tranh chấp diện tích 38,1m².

- Người kháng cáo bị đơn anh Nguyễn Văn Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ mâu thuẫn với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Kháng cáo của anh Nguyễn Văn Q là có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn Q, sửa bản án sơ thẩm số 450/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn L và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị N phải di dời tháo dỡ hàng rào, cây trồng trả lại anh T phần đất tranh chấp diện tích 38,1m² nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp đòi QSDĐ bị lấn chiếm” là có căn cứ, đúng qui định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T với bị đơn Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn L là đúng thẩm quyền qui định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn Q là đúng qui định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5.1] Cấp sơ thẩm nhận định: Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T thể hiện khi làm thủ tục cấp giấy phía bà Nguyễn Thị N có ký tên trong biên bản đo đạc ranh giới thửa đất vào ngày 21/4/2012. Trên cơ sở kích thước thực tế đã đo vẽ, UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho anh T. Theo sơ đồ trong giấy đất đã cấp, thì chiều ngang cạnh giáp lối đi của anh T là 19,50 m. Tuy nhiên theo biên bản đo đạc thực tế ngày 01/10/2020 của tòa án thể hiện kích thước cạnh này theo ranh do anh T xác định là 19,18m vẫn còn thiếu so với giấy được cấp. Từ đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Nhận định như trên của cấp sơ thẩm là phiến diện, chủ quan bởi các lẽ sau:

+ Theo báo cáo của cán bộ địa chính khi tiến hành đo đạc làm thủ tục cấp giấy cho anh T ngày 21/4/2012 thì giữa bà N và anh T có phát sinh tranh chấp không thống nhất ranh đất nhưng sau đó để hai bên tự thỏa thuận và đồng ý lấy trụ xi măng làm ranh nên biên bản thể hiện theo trụ xi măng làm ranh. Sau này trụ ranh bị nhô mất nên căn cứ số đo kích thước trước đây để xác định lại ranh trên thực tế (bút lục 106).

+ Theo phía gia đình bà N khai ngày 21/4/2012 anh T có kêu bà chỉ ranh để làm giấy đất, lúc đó do già yếu nên bà ngồi trong nhà và có chỉ ranh là trụ điện. Sau đó bà ra kiểm tra thì thấy đã đo vẽ và cắm trụ xi măng xong nhưng không đúng ranh nên bà không đồng ý. Lúc đó hai bên có cự cãi nhau và anh T có xin cắm trụ giữa nương lá nhưng bà N cũng không đồng ý và bỏ vô nhà mà không có ký biên bản.

Sáng hôm sau địa chính xã có đem biên bản cho bà ký, bà nói già yếu không ký được nên ông H địa chính bỏ ra về (bút lục 50).

+ Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm hôm nay, phía đại diện nguyên đơn vẫn tiếp tục xác định ranh giới đất giữa hai bên là cái mương ranh mỗi bên $\frac{1}{2}$. Còn phía bị đơn tiếp tục xác định trọn mương lá là của phía bị đơn.

* Từ các chi tiết trên HĐXX xác định: Khi đo đạc làm thủ tục cấp giấy cho anh T ngày 21/4/2012 giữa đôi bên đã có phát sinh tranh chấp do không xác định được ranh đất. Phía anh T xác định ranh là giữa mương ranh còn bà N là tại bờ mương phía đất anh T. Xét ý kiến cán bộ địa chính H cho rằng giữa bà N và anh T có phát sinh tranh chấp về ranh, nhưng sau đó hai bên đã tự thỏa thuận và đồng ý lấy trụ xi măng làm ranh và bà N đồng ý ký tên vào biên bản đo đạc. Theo ranh các bên đã thống nhất thì chiều ngang cạnh giáp đường đi của anh T có kích thước là 19,50 m. Tuy nhiên theo biên bản đo đạc thực tế ngày 01/10/2020 của tòa án thể hiện nếu cắm ranh theo xác định của anh T thì kích thước cạnh giáp đường đi của anh T chỉ là 19,18m mà không phải là 19,50m như địa chính H trình bày. Như vậy, việc xác định ranh theo lời khai cán bộ địa chính H và anh T hoàn toàn mâu thuẫn nhau nên việc các ông khai bà N đã đồng ý cắm cọc làm ranh và ký vào biên bản đo đạc là không có căn cứ, bởi lẽ nếu các bên đã thỏa thuận đúng ranh thì kích thước trong giấy và trên thực tế phải phù hợp nhau nên lời khai này của ông Hà là không có căn cứ. Lời khai phía bà N cho rằng không có đồng ý ranh và không có ký vào biên bản đo đạc ngày 21/4/2012 là có cơ sở để tin. Do xác định ranh của anh T trên thực tế mâu thuẫn với kích thước trên giấy được cấp nên không thể căn cứ giấy đất làm cơ sở giải quyết vụ án.

[5.2] Cả hai bên cùng xác định ranh giới đất trước đây là cái mương lá (trồng dừa nước). Tuy nhiên phía anh T cho rằng **mỗi bên $\frac{1}{2}$ mương** còn phía bà N cho rằng **nguyên cái mương** là của bà. Xét theo tài liệu có trong hồ sơ thì đất bà N do ông bà để lại canh tác ổn định từ thời pháp đến nay. Đất anh T được ông bà Nguyễn Thị Trọng trả lại vào thập niên 1990. Theo xác nhận của ông Phạm Văn Q, sinh năm 1941 (nguyên chủ tịch xã) thì cái mương lá là của gia đình bà N, còn đất của anh T là ở trên bờ (bút lục 40). Theo xác nhận của ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1953 (lão thành cách mạng của xã) thì cái mương lá là của gia đình bà N (bút lục 41). Theo ông Phạm Văn C, sinh năm 1957 (là con bà T1 người trước đây trực tiếp canh tác đất của anh T) xác định, mẹ con ông là người trực tiếp canh tác phần đất của bà Nguyễn Thị B (mẹ anh T). Đến khoảng năm 1990 gia đình ông mới trả đất này lại cho gia đình anh T. Đến khoảng 2012 bà B cho phần đất này cho anh T đứng tên. Khi mẹ con ông canh tác thì cái mương lá là của gia đình bà N (bút lục 126). Theo các nhân chứng Nguyễn Thị É, Nguyễn Thị H, Trần Văn T, bà Năm T2 trình bày các ông bà có mua lá dừa nước của bà N để lợp nhà, gần đây nhất là vào các năm 2014 – 2016 (bút lục 37 – 39). Nhận thấy lời khai của các nhân chứng trên là hoàn toàn phù hợp nhau nên có cơ sở xác định cái mương lá là của gia đình bà N.

[5.3] Theo biên bản đo đạc thực tế ngày 01/10/2020 có kết quả như sau: Diện tích 02 bên tranh chấp là 38,1m². Thửa đất số 177 của anh T, diện tích trong giấy 920m², diện tích thực tế 878,4m² mất 41,6m²; thửa đất số 178 của bà N, diện tích

trong giấy 1.750m², diện tích thực tế 1579,3m² mất 170,7m². Nếu phần diện tích tranh chấp 38,1m² là của bà N thì diện tích bà N bị mất là 132,6m² vẫn nhiều hơn phần diện tích anh T bị mất.

[5.4] Cùng hướng này, đất anh T còn giáp với hộ anh Q1 (đất anh Q1 giáp đất bà N) cũng có ranh đất là cái mương lá của bà N (cái mương lá chạy dài qua 02 thửa đất của N và Q1) nên ranh đất thể hiện trong sơ đồ giấy cấp cạnh đất hướng này của anh T là một đường thẳng. Tuy nhiên phía anh Q1 không có tranh chấp phần mương này với anh T cho nên cạnh đất hướng này của anh T hiện nay không còn là một đường thẳng nữa.

* Từ các căn cứ trên nhận thấy cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T là chưa phù hợp thực tế và không đúng pháp luật. Bị đơn Nguyễn Văn Q kháng cáo là có cơ sở nên chấp nhận cần sửa án sơ thẩm.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 175, 176 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn Q sửa bản án dân sự sơ thẩm số 450/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn L và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị N phải di dời tháo dỡ hàng rào, cây trồng trả lại anh T phần đất tranh chấp diện tích 38,1m².

3. Về án phí:

- Bị đơn Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Q 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0021030 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp tại biên lai thu số 26883 ngày

30/1/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, anh T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vân